

CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/CV-JVC

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2016

V/v Công bố thông tin BCTC riêng
và hợp nhất đã kiểm toán năm 2015

Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Mã chứng khoán: JVC

Địa chỉ trụ sở chính: Biệt thự số 18, BT5, Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội

Điện thoại: (04)3 683 0516

Fax: (04)3 683 0578

Người thực hiện công bố thông tin: **Đỗ Thanh Tùng – Giám đốc**

Địa chỉ: Biệt thự số 18, BT5, Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Tp.Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 043 683 0516

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố (*):

Thực hiện việc công bố thông tin theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính, Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật xin báo cáo Quý Ủy ban và Quý Sở về việc công bố thông tin Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2015 (niên độ kế toán từ 01/04/2015 đến 31/03/2016) như sau:

Báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất đã kiểm toán năm 2015 đã được Chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 08/08/2016 tại đường dẫn:

http://www.ytevietnhat.com.vn/bao-cao-tai-chinh_t370c312tn.aspx

Chúng tôi xin gửi kèm công văn này báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã kiểm toán năm 2015. Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên.

- Lưu VP.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT



ĐỖ THANH TÙNG

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016



Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh

Số 0101178800

ngày 7 tháng 7 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 9 năm 2010 và được điều chỉnh lần thứ 13 vào ngày 7 tháng 7 năm 2016.

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Thanh Tùng
Ông Lê Văn Giáp

Chủ tịch (từ ngày 14 tháng 6 năm 2016)
Chủ tịch (từ ngày 6 tháng 8 năm 2015
đến ngày 14 tháng 6 năm 2016)

Ông Honoso Kyohei

Thành viên (từ ngày 14 tháng 6 năm 2016)
Chủ tịch (từ ngày 21 tháng 6 năm 2015
đến ngày 6 tháng 8 năm 2015)

Ông Lê Văn Hường

Thành viên (từ ngày 6 tháng 8 năm 2015
đến ngày 15 tháng 9 năm 2015)

Bà Hồ Bích Ngọc

Chủ tịch (đến ngày 21 tháng 6 năm 2015)
Thành viên (đến ngày 4 tháng 5 năm 2016)

Ông Nguyễn Mạnh Cường

Thành viên

Ông Nguyễn Thế Hường

Thành viên (từ ngày 14 tháng 6 năm 2016)

Bà Đỗ Thị Ngọc Hoa

Thành viên (từ ngày 14 tháng 6 năm 2016)

Bà Nguyễn Phương Hạnh

Thành viên (từ ngày 19 tháng 11 năm 2015
đến ngày 6 tháng 6 năm 2016)

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Thành viên (đến ngày 28 tháng 4 năm 2016)

Ông Tashiro Masaaki

Thành viên (đến ngày 28 tháng 4 năm 2016)

Ông Phạm Văn Thanh

Thành viên (đến ngày 15 tháng 9 năm 2015)

Thành viên (đến ngày 6 tháng 8 năm 2015)

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Thanh Tùng
Ông Lê Văn Giáp

Giám đốc (từ ngày 14 tháng 6 năm 2016)

Giám đốc (từ ngày 6 tháng 8 năm 2015
đến ngày 14 tháng 6 năm 2016)

Ông Nguyễn Hữu Hiếu

Giám đốc (từ ngày 21 tháng 6 năm 2015
đến ngày 6 tháng 8 năm 2015)

Ông Lê Văn Hường

Giám đốc (đến ngày 21 tháng 6 năm 2015)

Bà Nguyễn Phương Hạnh

Phó Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh

Phó Giám đốc

Bà Đỗ Thị Ngọc Hoa

Phó Giám đốc (từ ngày 19 tháng 11 năm 2015)

Ông Phạm Văn Thanh

Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Thắng

Trưởng Ban Kiểm soát
(đến ngày 7 tháng 7 năm 2016)

Ông Nguyễn Văn Dương

Thành viên

Bà Phạm Thị Thanh Xuân

Thành viên (từ ngày 19 tháng 11 năm 2015
đến ngày 7 tháng 7 năm 2016)

Bà Vũ Thị Thúy Hằng

Thành viên (đến ngày 15 tháng 9 năm 2015)

Trụ sở đăng ký

Biệt thự số 18, BT5, Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp
Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 7 đến trang 56 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Đỗ Thanh Tùng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2016

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600

Fax: +84 4 3946 1601

www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”) và công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 7 đến trang 56.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Thư xác nhận

Chúng tôi không thể thu thập được các thư xác nhận liên quan đến một số số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng với giá trị ghi sổ là 59.506 triệu VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2016. Do những hạn chế của hệ thống sổ sách kế toán và chứng từ nội bộ của Công ty và công ty con, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nào để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu, tính chính xác và khả năng thu hồi của các số dư này. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến các khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng, dự phòng phải thu khó đòi, lỗ lũy kế và các khoản mục liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 hay không.

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các thư xác nhận của một số nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm đối với việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty và công ty con trong năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 về danh tính của các bên liên quan của họ. Do những hạn chế về thông tin, chúng tôi không thể hoàn tất được các thủ tục kiểm toán cần thiết để thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính đầy đủ của các giao dịch với bên liên quan như được trình bày tại Thuyết minh 38 của báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các số liệu thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến các số dư và giá trị giao dịch với bên liên quan cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Sử dụng vốn huy động từ chào bán cổ phiếu

Ngày 9 tháng 1 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chào bán ra công chúng 50.000.076 cổ phiếu với tổng số tiền thuần thu về là 749.720 triệu VND ("*Đợt chào bán ngày 22/10/2014*"), kế hoạch sử dụng khoản vốn huy động này đã được phê duyệt điều chỉnh theo Nghị quyết số 01/2015-NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 19 tháng 11 năm 2015 ("*Kế hoạch sử dụng vốn sửa đổi*"). Tuy nhiên, trong năm, Công ty đã sử dụng khoản vốn này để thực hiện chi trả một số khoản không nằm trong *Kế hoạch sử dụng vốn sửa đổi* nêu trên, cụ thể bao gồm khoản thanh toán thuế Giá trị Gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp và các khoản phạt chậm nộp thuế với tổng giá trị là 103.942 triệu VND và góp vốn vào công ty liên kết trị giá 500 triệu VND. Những thay đổi về mục đích sử dụng vốn này chưa được báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chưa được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty theo quy định của Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Công ty chưa thuyết minh về việc thay đổi mục đích sử dụng khoản vốn thu được từ *Đợt chào bán ngày 22/10/2014*.

Do Công ty chưa hoàn tất hồ sơ chi tiết về việc sử dụng thực tế của khoản vốn huy động từ phát hành cổ phiếu này nên chúng tôi không thể xác định được liệu các khoản vốn còn lại của *Đợt chào bán ngày 22/10/2014* trị giá 645.278 triệu VND có được sử dụng theo đúng mục đích được nêu tại *Kế hoạch sử dụng vốn sửa đổi* hay không. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các ảnh hưởng có thể có đối với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm trong trường hợp khoản vốn này không được sử dụng đúng mục đích.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra thêm ý kiến kiểm toán ngoại trừ, chúng tôi lưu ý người đọc đến các vấn đề sau:

- Như trình bày tại Thuyết minh 10, trong năm Công ty đã thực hiện các giao dịch bảo lãnh cho hai công ty liên quan đến các thành viên tiền nhiệm của Ban Giám đốc. Các giao dịch về bảo lãnh này chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo như quy định của Thông tư 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Ngoài các giao dịch bảo lãnh nêu trên, như trình bày tại Thuyết minh 38, trong năm Công ty và công ty con cũng thực hiện các giao dịch bán hàng, mua hàng, tạm ứng, thanh toán hộ và đầu tư góp vốn vào các dự án liên kết thiết bị y tế với các bên liên quan đến các thành viên tiền nhiệm của Ban Giám đốc mới được phát hiện trong năm. Các giao dịch này chưa được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt theo như quy định của Luật Doanh nghiệp.
- Như trình bày tại Thuyết minh 32 và Thuyết minh 30, trong năm Công ty và công ty con đã trích lập thêm 1.125.313 triệu VND dự phòng phải thu khó đòi (trong đó 593.994 triệu VND là dự phòng cho các khoản phải thu đối với các bên liên quan đến các thành viên tiền nhiệm của Ban Giám đốc) và 110.750 triệu VND dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào hợp đồng liên kết thiết bị y tế với một bên liên quan. Các khoản trích lập dự phòng này đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Vấn đề khác

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty và công ty con đã thay đổi kỳ kế toán năm từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 sang thành kỳ kế toán năm từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015. Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã trình bày số liệu so sánh cho các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu của kỳ 12 tháng từ ngày 1 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 cho phù hợp với quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Do đó, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn mười hai tháng từ ngày 1 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 chưa được kiểm toán.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 15-02-304/4



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 8 tháng 8 năm 2016



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2016 VND	1/4/2015 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		341.474.024.358	2.023.996.617.274
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	8.687.749.467	496.407.373.233
Tiền	111		8.687.749.467	496.407.373.233
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	285.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	-	285.600.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		171.488.028.023	893.536.966.705
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	477.591.006.149	650.601.555.845
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	298.094.212.771	233.805.934.048
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		2.228.514.250	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	520.275.415.525	10.517.937.500
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(1.126.701.120.672)	(1.388.460.688)
Hàng tồn kho	140	12	161.139.362.454	347.396.105.866
Hàng tồn kho	141		231.834.731.626	347.396.105.866
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(70.695.369.172)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		158.884.414	1.056.171.470
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		151.350.645	1.055.590.591
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.533.769	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	580.879

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2016 VND	1/4/2015 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		500.015.386.360	527.442.135.972
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.595.630.763	11.470.113.261
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	8	6.096.091.944	7.265.148.006
Phải thu dài hạn khác	216		3.499.538.819	4.204.965.255
Tài sản cố định	220		471.755.969.484	459.781.546.940
Tài sản cố định hữu hình	221	13	403.933.854.602	358.232.821.423
Nguyên giá	222		834.828.747.086	743.350.010.477
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(430.894.892.484)	(385.117.189.054)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	67.747.810.538	97.958.629.106
Nguyên giá	225		76.611.929.888	99.976.917.241
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.864.119.350)	(2.018.288.135)
Tài sản cố định vô hình	227		74.304.344	3.590.096.411
Nguyên giá	228		141.680.480	5.092.877.147
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(67.376.136)	(1.502.780.736)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.568.442.725	42.668.667.197
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	2.568.442.725	42.668.667.197
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7(b)	1.502.000.000	10.500.000.000
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		750.000.000	500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(110.750.000.000)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		111.502.000.000	10.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		14.593.343.388	3.021.808.574
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	14.593.343.388	3.021.808.574
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		841.489.410.718	2.551.438.753.246

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2016 VND	1/4/2015 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		285.069.333.888	659.116.757.194
Nợ ngắn hạn	310		161.962.590.102	470.217.209.483
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	67.479.390.752	97.536.168.833
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.553.912.269	5.794.443.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	38.762.390.179	66.083.134.895
Phải trả người lao động	314		5.671.347.225	2.133.605.976
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	19.291.061.212	993.849.740
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	3.011.206.497	3.559.959.965
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22(a)	14.193.281.968	294.116.047.074
Nợ dài hạn	330		123.106.743.786	188.899.547.711
Phải trả người bán dài hạn	331	18	85.375.671.460	85.146.061.700
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	37.417.375.907	103.200.658.530
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		313.696.419	552.827.481
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		556.420.076.830	1.892.321.996.052
Vốn chủ sở hữu	410	23	556.420.076.830	1.892.321.996.052
Vốn cổ phần	411	24	1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.408.328.850
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	19.211.235.252	19.211.235.252
(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(990.081.197.272)	345.700.721.950
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		345.700.721.950	137.232.833.294
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1.335.781.919.222)	208.467.888.656
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		841.489.410.718	2.551.438.753.246

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Lê Hà Thanh
Kế toán

Người duyệt:



Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Đỗ Thanh Tùng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	534.174.142.051	990.974.216.104
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	26.836.605.137	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	507.337.536.914	990.974.216.104
Giá vốn hàng bán	11	28	503.951.234.016	643.524.232.288
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		3.386.302.898	347.449.983.816
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	693.761.137	1.258.077.184
Chi phí tài chính	22	30	133.722.549.607	50.471.766.080
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.472.616.751</i>	<i>47.180.543.946</i>
Chi phí bán hàng	25	31	36.105.248.454	6.122.412.976
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	1.159.284.481.973	40.837.930.931
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.325.032.215.999)	251.275.951.013
Thu nhập khác	31	33	26.984.590.935	46.867.552.414
Chi phí khác	32	34	37.973.425.220	25.147.076.806
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(10.988.834.285)	21.720.475.608
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(1.336.021.050.284)	272.996.426.621
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	-	64.899.039.184
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	(239.131.062)	(370.501.219)
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.335.781.919.222)	208.467.888.656

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		(1.335.781.919.222)	208.467.888.656
Phân bổ:				
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(1.335.781.919.222)	208.467.888.656
Lãi trên cổ phiếu				
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	(11.874)	2.833

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Lê Hà Thanh
Kế toán

Người duyệt:



Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Đỗ Thanh Tùng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	Giai đoạn từ 1/4/2014
			31/3/2016	đến 31/3/2015
			VND	VND
				Chưa kiểm toán
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	01		(1.336.021.050.284)	272.996.426.621
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		75.241.057.332	71.186.631.797
Các khoản dự phòng	03		1.306.758.029.156	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.955.510.596	1.368.925.323
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		1.810.816.579	(44.306.123.308)
Xóa sổ tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05		26.884.394.231	-
Chi phí lãi vay	06		16.472.616.751	47.180.543.946
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		97.101.374.361	348.426.404.379
Biến động các khoản phải thu	09		(401.396.191.694)	(224.846.670.983)
Biến động hàng tồn kho	10		46.589.039.396	145.489.861.279
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(3.710.248.747)	(113.822.149.048)
Biến động chi phí trả trước	12		(10.667.294.868)	1.980.697.596
			(272.083.321.552)	157.228.143.223
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.059.416.972)	(46.993.822.647)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(29.760.637.395)	(86.518.560.207)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(120.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(319.023.375.919)	23.715.760.369

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày	Giai đoạn từ 1/4/2014
			31/3/2016	đến 31/3/2015
			VND	VND
				Chưa kiểm toán
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(8.810.198.180)	(31.571.892.722)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.245.454.545	82.369.311.472
Tiền chi đầu tư vào các khoản tiền gửi tại ngân hàng	23		(752.000.000)	(305.228.000.000)
Tiền thu từ đầu tư vào các khoản tiền gửi tại ngân hàng	24		295.600.000.000	16.128.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(250.000.000)	-
Tiền chi đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế	25		(110.750.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		376.757.741	1.022.659.796
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		177.660.014.106	(237.279.921.454)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	749.720.040.000
Tiền thu từ đi vay	33		174.817.090.394	629.608.383.450
Tiền trả nợ gốc vay	34		(492.173.207.193)	(698.561.556.461)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(29.000.076.406)	(1.627.349.532)
Tiền trả cổ tức	36		-	(28.409.265.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(346.356.193.205)	650.730.252.457
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(487.719.555.018)	437.166.091.372
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	6	496.407.373.233	59.248.506.772
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(68.748)	(7.224.911)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	8.687.749.467	496.407.373.233

Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Lê Hà Thanh
Kế toán

Người duyệt:



Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Đỗ Thanh Tùng
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 bao gồm Công ty và công ty con và các lợi ích của Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và công ty con bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế; và
- Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty có Trụ sở chính tại Hà Nội, một văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh, một văn phòng đại diện tại Phnom Penh (Campuchia), một công ty con và một công ty liên kết.

Tên công ty	Hoạt động chính	Lợi ích và quyền biểu quyết
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế	100%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế	25%

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là JVC.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty và công ty con có 270 nhân viên (1/4/2015: 314 nhân viên).

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ thuần sau thuế trong năm của Công ty và công ty con là 1.335.782 triệu VND và lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 là 990.081 triệu VND (1/4/2015: lợi nhuận chưa phân phối là 345.701 triệu VND). Ngoài ra, trong năm, Công ty có sự biến động lớn về một số vị trí lãnh đạo chủ chốt của Công ty dẫn đến việc kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sụt giảm đáng kể so với trước đây. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc ban lãnh mới của Công ty có thể duy trì và khôi phục hoạt động bình thường của Công ty và công ty con hay không.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng sẽ không thể duy trì và khôi phục hoạt động bình thường của Công ty và công ty con.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và công ty con là từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty và công ty con đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh 4(b)) và Lãi trên cổ phiếu (Thuyết minh 4(s)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty/công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty và công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty và công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp và công ty con dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và những chi phí có liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 10 năm
▪ Máy móc và thiết bị	6 – 12 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty và công ty con đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(g).

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị của các máy móc thiết bị chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc thiết bị y tế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện.

Thu nhập từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trong biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty/công ty con và các bệnh viện. Thu nhập được chia từ các hợp đồng liên kết này được ghi nhận trên cơ sở thuần (được tính bằng tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận trước thuế của hoạt động liên kết mà Công ty/công ty con được hưởng).

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Trước ngày 1 tháng 4 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố và không gây ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và công ty con hoạt động trong ba lĩnh vực hoạt động kinh doanh như trình bày tại Thuyết minh 5 và một khu vực địa lý là Việt Nam. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty/công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Một bên được coi là liên quan đến đơn vị lập báo cáo nếu:

- (i) Trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian mà bên hoặc các bên đó: kiểm soát, hoặc bị kiểm soát, hoặc dưới quyền kiểm soát chung với đơn vị lập báo cáo (gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn); có lợi ích ở đơn vị lập báo cáo cho phép có ảnh hưởng đáng kể tới đơn vị lập báo cáo; hoặc có quyền đồng kiểm soát đối với đơn vị lập báo cáo;
- (ii) Bên đó là công ty liên kết (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 7, Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết) của đơn vị lập báo cáo;
- (iii) Bên đó là một liên doanh (như được định nghĩa trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 8, Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh) trong đó đơn vị lập báo cáo là bên góp vốn liên doanh;
- (iv) Bên đó là một thành viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của đơn vị lập báo cáo;
- (v) Bên đó là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (i) hay (iv); hoặc
- (vi) Bên đó là một đơn vị bị kiểm soát, bị đồng kiểm soát hay bị ảnh hưởng đáng kể bởi, hoặc một phần đáng kể quyền biểu quyết đối với đơn vị đó, trực tiếp hoặc gián tiếp, thuộc quyền của bất kỳ các cá nhân nào đã được nêu ở đoạn (iv) hoặc (v).

5. Báo cáo bộ phận

Công ty và công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bán máy móc, thiết bị y tế: đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế, buôn bán linh kiện thiết bị y tế và linh kiện điện tử;
- Liên kết thiết bị y tế: khai thác thiết bị y tế đặt tại bệnh viện dưới hình thức hợp đồng liên kết; và
- Cung cấp dịch vụ: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế và kinh doanh phòng khám đa khoa.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Bán máy móc thiết bị y tế VND	Liên kết thiết bị y tế VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Từ 1/4/2015 đến 31/3/2016					
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	385.380.835.076	105.941.312.015	16.015.389.823	-	507.337.536.914
Doanh thu giữa các bộ phận	16.749.080.943	-	513.000.000	(17.262.080.943)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	402.129.916.019	105.941.312.015	16.528.389.823	(17.262.080.943)	507.337.536.914
Chi phí phân bổ	(406.251.341.247)	(139.191.991.245)	(10.930.860.832)	16.317.710.854	(540.056.482.470)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(4.121.425.228)	(33.250.679.230)	5.597.528.991	(944.370.089)	(32.718.945.556)
Chi phí không phân bổ					(1.292.313.270.443)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh					(1.325.032.215.999)
Thu nhập khác					26.984.590.935
Chi phí khác					(37.973.425.220)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					239.131.062
Lỗ thuần sau thuế					(1.335.781.919.222)

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Bán máy móc thiết bị y tế VND	Liên kết thiết bị y tế VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016					
Tài sản của bộ phận	211.062.564.007	541.512.432.637	14.051.874.477	-	766.626.871.121
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	74.862.539.597
Tổng tài sản	211.062.564.007	541.512.432.637	14.051.874.477		841.489.410.718
Nợ phải trả của bộ phận	71.501.154.695	183.446.858.033	4.760.319.555	-	259.708.332.283
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	25.361.001.605
Tổng nợ phải trả	71.501.154.695	183.446.858.033	4.760.319.555		285.069.333.888
Từ 1/4/2015 đến 31/3/2016					
Chi tiêu vốn	-	8.810.198.180	-	-	8.810.198.180
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	3.689.794.440	60.295.047.093	1.574.163.015	-	65.559.004.548
Khấu hao tài sản cố định vô hình	-	637.510.680	-	-	637.510.680
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	9.044.542.104	-	-	9.044.542.104

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Bán máy móc thiết bị y tế VND	Liên kết thiết bị y tế VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 – chưa kiểm toán					
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	826.621.176.693	130.041.161.971	34.311.877.440	-	990.974.216.104
Doanh thu giữa các bộ phận	131.169.722.290	-	-	(131.169.722.290)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	957.790.898.983	130.041.161.971	34.311.877.440	(131.169.722.290)	990.974.216.104
Chi phí phân bổ	(710.018.198.181)	(66.153.682.320)	(3.461.144.441)	129.986.379.678	(649.646.645.264)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	247.772.700.802	63.887.479.651	30.850.732.999	(1.183.342.612)	341.327.570.840
Chi phí không phân bổ					(90.051.619.827)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					251.275.951.013
Thu nhập khác					46.867.552.414
Chi phí khác					(25.147.076.806)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và hoãn lại					(64.528.537.965)
Lợi nhuận thuần sau thuế					208.467.888.656

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Bán máy móc thiết bị y tế VND	Liên kết thiết bị y tế VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015					
Tài sản của bộ phận	716.756.931.004	963.408.273.285	76.011.323.456	-	1.756.176.527.745
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	795.262.225.501
Tổng tài sản	716.756.931.004	963.408.273.285	76.011.323.456	-	2.551.438.753.246
Nợ phải trả của bộ phận	240.535.665.941	323.309.117.169	25.508.555.991	-	589.353.339.101
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	69.763.418.093
Tổng nợ phải trả	240.535.665.941	323.309.117.169	25.508.555.991	-	659.116.757.194
Từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 – chưa kiểm toán					
Chi tiêu vốn	-	31.571.892.722	-	-	31.571.892.722
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.471.642.374	65.637.916.992	1.433.369.672	-	68.542.929.038
Khấu hao tài sản cố định vô hình	-	2.635.062.719	-	-	2.635.062.719
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	8.640.040	-	-	8.640.040

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2016 VND	1/4/2015 VND
Tiền mặt (*)	-	465.787.032.647
Tiền gửi ngân hàng	8.687.749.467	30.620.340.586
	<u>8.687.749.467</u>	<u>496.407.373.233</u>

(*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, số dư tiền mặt bằng không. Kết tiền mặt của Công ty được cơ quan chức năng tạm thời thu giữ vào tháng 6 năm 2015 để phục vụ công tác điều tra liên quan đến ông Lê Văn Hường, nguyên Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty. Số tiền mặt đang tạm thời bị thu giữ này đang được ghi nhận là Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 10). Kể từ thời điểm đó, Công ty giữ toàn bộ tiền trong tài khoản ngân hàng.

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/3/2016		1/4/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	285.600.000.000	285.600.000.000

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

				31/3/2016		
	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:						
Công ty liên kết						
• Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	25%	25%	750.000.000	-	(*)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
▪ Đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế (ii)				110.750.000.000	(110.750.000.000)	(*)
• Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng				752.000.000	-	752.000.000
				112.252.000.000	(110.750.000.000)	(*)

(*) Công ty và công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	1/4/2015 Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:						
Công ty liên kết						
• Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	25%	25%	500.000.000	-	(*)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
• Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng				10.000.000.000	-	10.000.000.000
				10.500.000.000	-	(*)

- (i) Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín là một doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam với hoạt động chính là bán buôn máy móc và thiết bị y tế, bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, sửa chữa và cho thuê máy móc thiết bị y tế, giáo dục nghề nghiệp, quảng cáo và đại lý môi giới, đấu giá. Khoản đầu tư dài hạn của Công ty tương đương với 25% vốn sở hữu và 25% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín.
- (ii) Đây là khoản đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế cùng với một bên liên quan tại hai bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, trong năm 2016, dựa trên những đánh giá về tình hình tài chính thực tế của bên liên quan đó và khả năng thu hồi của các công nợ phải thu, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trị giá 110.750 triệu VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 cho khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn này.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng - ngắn hạn và dài hạn

(a) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/3/2016 VND	1/4/2015 VND
Ngắn hạn	477.591.006.149	650.601.555.845
Dài hạn	6.096.091.944	7.265.148.006
	483.687.098.093	657.866.703.851

(b) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/3/2016 VND	1/4/2015 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư A1	97.904.625.613	97.904.625.613
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	104.883.862.923	104.743.371.690
Các khách hàng khác	280.898.609.557	455.218.706.548
	483.687.098.093	657.866.703.851

(c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/3/2016 VND	1/4/2015 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu từ các công ty liên quan đến các nhân viên quản lý chủ chốt (Thuyết minh 40)		
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	104.883.862.923	104.743.371.690
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	28.031.022.362	135.531.022.362
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10.797.500.000	10.797.500.000
	143.712.385.285	251.071.894.052

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 365 ngày kể từ ngày của hóa đơn.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/3/2016 VND	1/4/2015 VND Đã điều chỉnh lại
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	36.635.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông (Thuyết minh 40)	-	9.428.388.750
Trả trước cho bên thứ ba		
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	187.525.656.514
Nishimura Medical Instrument	28.262.713.121	28.259.502.410
Các công ty khác	21.885.593.136	8.592.386.374
	298.094.212.771	233.805.934.048

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/3/2016 VND	1/4/2015 VND Đã phân loại lại
Tiền ứng trước, tiền bảo lãnh và thanh toán hộ các bên liên quan (i)	403.295.265.000	-
Phải thu từ hoạt động ủy thác nhập khẩu	6.700.000.000	-
Phải thu từ cơ quan chức năng (ii)	2.261.219.600	-
Tạm ứng cho nhân viên và nhân viên quản lý chủ chốt (iii)	87.077.019.496	9.201.450.000
Ký quỹ ngắn hạn (iv)	7.868.981.911	630.199.282
Chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	7.256.442.952	
Phải thu khác	5.816.486.566	686.288.218
	520.275.415.525	10.517.937.500

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Trong năm, Công ty đã tạm ứng cho một bên liên quan đến các thành viên tiền nhiệm của Ban Giám đốc với số tiền 110 tỷ VND cho mục đích thực hiện hợp đồng góp vốn đầu tư dự án liên kết thiết bị y tế và thế chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Tokyo Mitsubishi UFJ - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 280 tỷ VND cho Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (“Vietinbank”) để bảo lãnh cho các khoản vay của hai công ty liên quan đến các thành viên tiền nhiệm của Ban Giám đốc tại ngân hàng này. Ngày 23 tháng 6 năm 2015, Vietinbank đã thu khoản bảo lãnh của Công ty trị giá 246,68 tỷ VND để thanh toán cho khoản gốc và lãi vay của những khoản vay của hai bên liên quan này do họ vi phạm hợp đồng vay. Một phần của khoản phải thu khác này đã được bù trừ với công nợ phải trả tiền mua hàng của bên liên quan này với số tiền trị giá 12,83 tỷ VND. Ngoài ra, Công ty cũng tạm ứng số tiền trị giá 35 tỷ VND và thanh toán số tiền trị giá 24,45 tỷ VND cho một bên liên quan. Tổng giá trị ghi sổ của các khoản tạm ứng, bảo lãnh và thanh toán hộ hai bên liên quan này là 403,3 tỷ VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2016. Các giao dịch về bảo lãnh này chưa được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo như quy định của Thông tư 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- (ii) Đây là khoản tiền mặt do cơ quan chức năng tạm giữ để phục vụ công tác điều tra, theo biên bản niêm phong ngày 9 tháng 6 năm 2015 bao gồm 99.600 USD và 50 triệu VND, sau khi ông Lê Văn Hương, nguyên Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty bị bắt tạm giam trong tháng 6 năm 2015.
- (iii) Trong số dư tạm ứng cho nhân viên và nhân viên quản lý chủ chốt tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 có 30,6 tỷ VND (1/4/2015: Không) là các khoản tạm ứng cho một số thành viên tiền nhiệm của Ban Giám đốc.
- Ban lãnh đạo mới của Công ty đã đánh giá khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng cho nhân viên và nhân viên quản lý chủ chốt và trích lập dự phòng trị giá 26,1 tỷ VND cho các khoản tạm ứng cho các thành viên tiền nhiệm nêu trên và 50 tỷ VND cho các nhân viên khác của Công ty. Khoản trích lập dự phòng này đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.
- (iv) Đây là các khoản đặt cọc tại các ngân hàng trong nước để bảo lãnh đấu thầu và bảo lãnh thực hiện các hợp đồng cung cấp thiết bị y tế cho các bệnh viện.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Số ngày quá hạn	31/3/2016			Số ngày quá hạn	1/4/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng								
Công ty Cổ phần Đầu tư A1	Dưới 2 năm	97.904.625.613	(97.904.625.613)	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Hương Đông (i)	1-3 tháng	104.883.862.923	(94.155.697.216)	10.728.165.707	-	-	-	-
Công ty TNHH Thiết bị Kỹ thuật HB	Dưới 1 năm	34.470.174.163	(31.156.312.164)	3.313.861.999	-	-	-	-
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế (i)	6 tháng	10.797.500.000	(10.797.500.000)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên (i)		28.031.022.362	(28.031.022.362)	-	-	-	-	-
Các khách hàng khác		98.933.072.046	(78.552.600.618)	20.380.471.428	1.449.101.263	(1.388.460.688)	60.640.575	-
		375.020.257.107	(340.597.757.973)	34.422.499.134	1.449.101.263	(1.388.460.688)	60.640.575	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn								
JWB Co., Ltd.		190.230.906.514	(190.230.906.514)	-	-	-	-	-
Nishimura Medical Instrument		28.262.713.121	(28.262.713.121)	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế (i)		36,635,000,000	(36.635.000.000)	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC (i)		21,080,000,000	(21.080.000.000)	-	-	-	-	-
Các nhà cung cấp khác		21.015.980.162	(21.015.980.162)	-	-	-	-	-
		297.224.599.797	(297.224.599.797)	-	-	-	-	-

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Số ngày quá hạn	31/3/2016			Số ngày quá hạn	1/4/2015		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn khác								
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên (i)		315.360.806.472	(315.360.806.472)	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông (i)		87.934.458.528	(87.934.458.528)	-	-	-	-	-
Tạm ứng cho nhân viên và nhân viên quản lý chủ chốt		81,524,632,153	(76.086.505.437)	5.438.126.716	-	-	-	-
Các khoản khác		12.373.075.760	(9.496.992.465)	2.876.083.295	-	-	-	-
		<u>497.192.972.913</u>	<u>(488.878.762.902)</u>	<u>8.314.210.011</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (ii)			<u>(1.126.701.120.672)</u>			<u>(1.388.460.688)</u>		

- (i) Những công ty này liên quan tới các thành viên tiền nhiệm của Ban Giám đốc hoặc các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.
- (ii) Ban Giám đốc Công ty và công ty con đã quyết định trích lập 1.125.313 triệu VND dự phòng cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (trong đó 593.994 triệu VND là dự phòng cho các khoản phải thu đối với các công ty liên quan tới các thành viên tiền nhiệm của Ban Giám đốc (1/4/2015: Không) dựa trên những đánh giá về tình hình tài chính thực tế và khả năng thu hồi nợ của các khách hàng (không trả lời đối chiếu, xác nhận công nợ với Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 và đã xin gia hạn thanh toán cho các khoản nợ khó đòi trên nhiều lần).

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/3/2016		1/4/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.684.298.020	-	70.775.517.229	-
Nguyên vật liệu	28.092.390	(24.021.840)	28.092.390	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	212.028.233	(212.028.233)	212.028.233	-
Thành phẩm	325.905.303	(321.086.347)	333.771.098	-
Hàng hóa	228.584.407.680	(70.138.232.752)	276.046.696.916	-
	231.834.731.626	(70.695.369.172)	347.396.105.866	-

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 không có hàng tồn kho được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và công ty con (1/4/2015: 183.759 triệu VND).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 có 133.575 triệu VND (1/4/2015: Không) hàng hóa được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng hóa trên dựa trên ước tính của phòng kỹ thuật và phòng kinh doanh sau khi đối chiếu với giá trị thị trường của các sản phẩm tương tự.

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.025.186.364	711.202.973.993	29.183.509.950	1.938.340.170	743.350.010.477
Tăng trong năm	-	1.354.046.741	-	-	1.354.046.741
Chuyển từ hàng tồn kho	-	25.642.074.123	-	-	25.642.074.123
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	84.083.939.997	-	-	84.083.939.997
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	24.234.680.093	-	-	24.234.680.093
Thanh lý	-	(3.404.487.217)	(4.299.014.545)	-	(7.703.501.762)
Xóa sổ	-	(35.944.895.894)	(72.600.000)	(115.006.689)	(36.132.502.583)
Số dư cuối năm	1.025.186.364	807.168.331.836	24.811.895.405	1.823.333.481	834.828.747.086
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	487.790.424	366.990.431.520	16.176.204.459	1.462.762.651	385.117.189.054
Khấu hao trong năm	118.989.139	63.474.124.527	1.726.938.629	238.952.253	65.559.004.548
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	2.198.710.889	-	-	2.198.710.889
Thanh lý	-	(860.725.762)	(2.409.747.135)	-	(3.270.472.897)
Xóa sổ	-	(18.562.834.097)	(31.698.324)	(115.006.689)	(18.709.539.110)
Số dư cuối năm	606.779.563	413.239.707.077	15.461.697.629	1.586.708.215	430.894.892.484
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	537.395.940	344.212.542.473	13.007.305.491	475.577.519	358.232.821.423
Số dư cuối năm	418.406.801	393.928.624.759	9.350.197.776	236.625.266	403.933.854.602

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 254.469 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/4/2015: 148.560 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 15.188 triệu VND (1/4/2015: 228.883 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 có các tài sản có giá trị còn lại là 389.396 triệu VND (1/4/2015: 328.414 triệu VND) được đặt tại các bệnh viện theo các hợp đồng liên kết đã được ký kết giữa Công ty/công ty con và các bệnh viện.

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	99.976.917.241
Tăng trong năm	869.692.740
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(24.234.680.093)
	<hr/>
Số dư cuối năm	76.611.929.888
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	2.018.288.135
Khấu hao trong năm	9.044.542.104
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.198.710.889)
	<hr/>
Số dư cuối năm	8.864.119.350
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	97.958.629.106
Số dư cuối năm	67.747.810.538
	<hr/>

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình thuê tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 có các tài sản có giá trị còn lại là 67.748 triệu VND (1/4/2015: 97.959 triệu VND) được đặt tại các bệnh viện theo các hợp đồng liên kết đã được ký kết giữa Công ty/công ty con và các bệnh viện.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
Số dư đầu năm/kỳ	42.668.667.197	80.738.882.054
Tăng trong năm/kỳ	7.236.604.175	7.974.333.938
Chuyển từ hàng tồn kho	43.330.260.721	55.829.231.061
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(84.083.939.997)	(101.873.779.856)
Xóa sổ	(6.583.149.371)	-
Số dư cuối năm	2.568.442.725	42.668.667.197

Xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 thể hiện các máy móc thiết bị đang lắp đặt dở cho các dự án hoạt động liên kết thiết bị y tế.

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/3/2016 VND	1/4/2015 VND
Máy chụp Cộng hưởng từ Aris mate – Bệnh viện Tai mũi họng An Giang	-	9.300.000.000
Vỏ container cho xe khám lưu động	2.510.442.725	-
Sửa chữa nhà xưởng ở Bắc Giang	-	2.730.485.283
Máy xử lý ảnh X quang – DR Konica	-	3.123.067.089
Máy chụp X-quang kỹ thuật số	-	1.890.000.000
Máy chụp cắt lớp Scenaria 128	-	21.285.000.000
Máy xét nghiệm sinh hóa	-	1.186.582.822
Các công trình khác	58.000.000	3.153.532.003
Số dư cuối năm/kỳ	2.568.442.725	42.668.667.197

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Công cụ và dụng cụ VND	Các khoản trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.567.189.987	1.454.618.587	3.021.808.574
Tăng trong năm	32.787.783.660	5.229.538.508	38.017.322.168
Phân bổ trong năm	(4.518.915.672)	(967.945.041)	(5.486.860.713)
Xóa sổ	(20.958.926.641)	-	(20.958.926.641)
Số dư cuối năm	8.877.131.334	5.716.212.054	14.593.343.388

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/3/2016		1/4/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	160.586.346.589	32.117.269.318	-	-
Lỗi tính thuế	88.242.682.846	17.648.536.569	-	-
	248.829.029.435	49.765.805.887	-	-

Theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty và công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán - ngắn hạn và dài hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/3/2016		1/4/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	67.479.390.752	67.479.390.752	97.536.168.833	97.536.168.833
Dài hạn	85.375.671.460	85.375.671.460	85.146.061.700	85.146.061.700
	152.855.062.212	152.855.062.212	182.682.230.533	182.682.230.533

(b) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/3/2016		1/4/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	120.682.943.042	120.682.943.042	152.901.568.404	152.901.568.404
Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	30.152.653.955	30.152.653.955	22.467.668.282	22.467.668.282
Các nhà cung cấp khác	2.019.465.215	2.019.465.215	7.312.993.847	7.312.993.847
	152.855.062.212	152.855.062.212	182.682.230.533	182.682.230.533

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/4/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/khấu trừ trong năm VND	31/3/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.112.552.855	37.785.435.249	(38.991.727.878)	3.906.260.226
Thuế xuất nhập khẩu	-	611.938.864	(611.938.864)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.890.139.585	-	(29.760.637.395)	31.129.502.190
Thuế thu nhập cá nhân	80.442.455	3.930.096.654	(283.911.346)	3.726.627.763
Các loại thuế khác	-	7.000.000	(7.000.000)	-
	66.083.134.895	42.334.470.767	(69.655.215.483)	38.762.390.179

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/3/2016	1/4/2015
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế	10.664.946.707	-
Chi phí tư vấn	6.124.546.536	-
Chi phí hoa hồng kinh doanh	1.713.859.175	-
Chi phí dịch vụ chuyên môn	370.000.000	-
Chi phí lãi vay	407.049.519	993.849.740
Các khoản khác	10.659.275	-
	<hr/>	<hr/>
	19.291.061.212	993.849.740
	<hr/>	<hr/>

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/3/2016	1/4/2015
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	1.368.981.802	934.161.398
Thù lao cho Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát	1.140.000.000	2.576.666.667
Phải trả khác	502.224.695	49.131.900
	<hr/>	<hr/>
	3.011.206.497	3.559.959.965
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/4/2015		Biến động trong năm		31/3/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	252.501.069.839	252.501.069.839	174.817.090.394	(427.318.160.233)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b)(i))	28.595.800.000	28.595.800.000	33.861.800.000	(60.276.800.000)	2.180.800.000	2.180.800.000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(b)(ii))	13.019.177.235	13.019.177.235	27.993.381.139	(29.000.076.406)	12.012.481.968	12.012.481.968
	294.116.047.074	294.116.047.074	236.672.271.533	(516.595.036.639)	14.193.281.968	14.193.281.968

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/3/2016 VND	1/4/2015 VND
Vay dài hạn (i)	8.191.200.000	73.046.246.960
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	43.419.457.875	71.769.388.805
	<hr/> 51.610.657.875	<hr/> 144.815.635.765
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(14.193.281.968)	(41.614.977.235)
	<hr/> 37.417.375.907	<hr/> 103.200.658.530

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/3/2016 VND	1/4/2015 VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	VND	Thả nổi	2017-2018	-	62.659.246.960
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	Thả nổi	2019	3.500.000.000	4.500.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Gia Định	VND	Thả nổi	2019	2.419.200.000	3.024.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt – Chi nhánh Hà Nội	VND	Thả nổi	2020	2.272.000.000	2.863.000.000
				<hr/> 8.191.200.000	<hr/> 73.046.246.960
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(2.180.800.000)	(28.595.800.000)
				<hr/> 6.010.400.000	<hr/> 44.450.446.960

Lãi suất của các khoản vay dài hạn trên được tính bằng lãi suất cơ sở của ngân hàng cho vay cộng (+) 4%/năm. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng và lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng một lần.

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 15.188 triệu VND tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 (1/4/2015: 228.883 triệu VND) (Thuyết minh 13).

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

Khoản nợ thuê tài chính tại Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease được thanh toán trong vòng 60 tháng và chịu lãi suất thả nổi được tính theo lãi suất cơ sở của các công ty cho thuê tài chính này cộng (+) biên độ 2,4% - 5%/năm. Nợ gốc và nợ lãi được trả định kỳ hàng tháng.

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

31/3/2016

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	16.107.331.714	4.094.849.746	12.012.481.968
Trong vòng hai đến năm năm	35.991.816.241	4.584.840.334	31.406.975.907
	52.099.147.955	8.679.690.080	43.419.457.875

1/4/2015

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	19.051.238.404	6.032.061.169	13.019.177.235
Trong vòng hai đến năm năm	71.272.635.122	12.522.423.552	58.750.211.570
	90.323.873.526	18.554.484.721	71.769.388.805

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 4 năm 2014 - chưa kiểm toán	568.185.300.000	152.689.048.850	17.127.227.933	224.541.755.613	962.543.332.396
Phát hành cổ phiếu (*)	500.000.760.000	249.719.280.000	-	-	749.720.040.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	208.467.888.656	208.467.888.656
Phân bổ vào các quỹ	-	-	2.084.007.319	(2.084.007.319)	-
Cổ tức bằng tiền và bằng cổ phiếu	56.815.650.000	-	-	(85.224.915.000)	(28.409.265.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 4 năm 2015	1.125.001.710.000	402.408.328.850	19.211.235.252	345.700.721.950	1.892.321.996.052
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(1.335.781.919.222)	(1.335.781.919.222)
Chi phí phát hành cổ phiếu trong năm trước	-	(120.000.000)	-	-	(120.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2016	1.125.001.710.000	402.288.328.850	19.211.235.252	(990.081.197.272)	556.420.076.830

(*) Ngày 9 tháng 1 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chào bán ra công chúng 50.000.076 cổ phiếu với tổng số tiền thuần thu về là 749.720 triệu VND. Kế hoạch điều chỉnh sử dụng khoản vốn huy động này đã được phê duyệt theo Nghị quyết số 01/2015-NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 19 tháng 11 năm 2015. Để tuân thủ quy định của Thông tư 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty đang trong quá trình chuẩn bị hồ sơ và sẽ lập một báo cáo sử dụng vốn chi tiết riêng rẽ, do đó, thông tin về việc sử dụng vốn từ đợt chào bán trên sẽ không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/3/2016 và 1/4/2015	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	112.500.171	1.125.001.710.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	1.125.001.710.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

25. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/3/2016	1/4/2015
	VND	VND
Trong vòng một năm	599.400.000	-

(b) Ngoại tệ các loại

	31/3/2016		1/4/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	355	7.925.786	1.382	29.847.961
JPY	-	-	255.689	46.149.308
		7.925.786		75.997.269

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
Bán hàng	412.217.440.213	826.621.176.693
Thu nhập từ các dự án liên kết thiết bị y tế (*)	105.941.312.015	130.041.161.971
Cung cấp dịch vụ	16.015.389.823	34.311.877.440
	<hr/>	<hr/>
	534.174.142.051	990.974.216.104
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(20.752.381)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(26.815.852.756)	-
	<hr/>	<hr/>
	(26.836.605.137)	-
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	507.337.536.914	990.974.216.104

(*) Theo các quy định của các hợp đồng liên kết thiết bị y tế với bệnh viện, Công ty và công ty con vẫn giữ nguyên quyền sở hữu đối với các máy móc thiết bị y tế đi liên kết, và không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các hoạt động liên kết này cũng như đối với dòng tiền của hoạt động. Do đó, Công ty và công ty con ghi nhận phần lợi nhuận được hưởng từ hoạt động liên kết trên cơ sở thuần.

28. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
Bán hàng	304.192.571.177	573.909.405.528
Liên kết thiết bị y tế	119.665.837.636	56.423.230.973
Cung cấp dịch vụ	9.397.456.031	13.191.595.787
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	70.695.369.172	-
	<hr/>	<hr/>
	503.951.234.016	643.524.232.288

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
Lãi tiền gửi	376.757.741	1.022.659.796
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	308.423.396	235.417.388
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.580.000	-
	<hr/>	<hr/>
	693.761.137	1.258.077.184

30. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
Chi phí dự phòng cho đầu tư tài chính dài hạn	110.750.000.000	-
Chi phí lãi vay	16.472.616.751	47.180.543.946
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	227.129.582	1.922.296.811
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.955.510.596	1.368.925.323
Chi phí tài chính khác	317.292.678	-
	<hr/>	<hr/>
	133.722.549.607	50.471.766.080

Khoản dự phòng cho đầu tư tài chính dài hạn trên đây đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
Chi phí nhân viên	14.600.569.352	2.610.791.569
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.313.966	32.649.396
Chi phí tư vấn hoạt động kinh doanh	7.590.295.272	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.867.816.151	205.592.030
Chi phí bán hàng khác	4.984.253.713	3.273.379.981
	36.105.248.454	6.122.412.976

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
Chi phí nhân viên	18.551.021.906	27.753.526.751
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.669.703.208	1.459.563.401
Dự phòng phải thu khó đòi (i)	1.125.312.659.984	-
Phí ngân hàng	1.786.849.624	1.377.530.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.589.114.940	1.957.429.052
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.375.132.311	8.289.881.057
	1.159.284.481.973	40.837.930.931

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi tiết chi phí dự phòng phải thu khó đòi được trích lập trong năm như sau:

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng	339.209.297.285
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn	297.224.599.797
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác	488.878.762.902
	1.125.312.659.984

Khoản dự phòng phải thu khó đòi trên đây đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Bao gồm trong chi phí dự phòng phải thu khó đòi có 593.994 triệu VND là dự phòng được trích lập cho các khoản phải thu từ các công ty liên quan đến các thành viên tiền nhiệm của Ban Giám đốc hoặc các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

33. Thu nhập khác

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.720.444.764	46.167.031.701
Hỗ trợ chi phí quảng cáo từ Fujifilm	5.853.684.627	-
Hàng nhận biếu tặng	10.748.144.283	-
Thưởng từ nhà cung cấp	8.288.181.818	-
Các khoản khác	374.135.443	700.520.713
	26.984.590.935	46.867.552.414

34. Chi phí khác

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
Xóa sổ tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	26.884.394.231	-
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	159.562.894	2.883.568.189
Phạt chậm nộp thuế	10.757.837.434	19.518.718.999
Các khoản khác	171.630.661	2.744.789.618
	37.973.425.220	25.147.076.806

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
Chi phí nhân viên	46.470.872.925	30.364.318.320
Chi phí khấu hao	75.241.057.332	71.186.631.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.567.358.666	3.545.486.752
Chi phí dự phòng	1.196.008.029.156	-
Chi phí khác	41.842.662.213	11.789.048.545

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	-	64.899.039.184
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(239.131.062)	(370.501.219)
	(239.131.062)	64.528.537.965

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.336.021.050.284)	272.996.426.621
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(287.244.525.811)	60.059.213.856
Chi phí không được khấu trừ thuế	233.746.284.482	4.580.123.553
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(239.131.062)	(110.799.444)
Biến động chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận	32.117.269.318	-
Lỗ tính thuế không được ghi nhận	17.648.536.569	-
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	3.732.435.442	-
	(239.131.062)	64.528.537.965

(c) Thuế suất áp dụng

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trong giai đoạn chín tháng từ ngày 1 tháng 4 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 20% trong giai đoạn ba tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016 (Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015: 22%).

Việc tính toán thuế thu nhập của Công ty và công ty con có thể thay đổi phụ thuộc vào điều chỉnh của cơ quan thuế địa phương.

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi, và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm là 73.596.002 cổ phiếu (Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015: 112.500.171), chi tiết như sau:

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trong năm	(1.335.781.919.222)	208.467.888.656

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 Chưa kiểm toán
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm/kỳ trước mang sang	112.500.171	56.818.530
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành	-	11.095.907
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức	-	5.681.565
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm/kỳ	112.500.171	73.596.002

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 Chưa kiểm toán
(Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông (VND)	(1.335.781.919.222)	208.467.888.656
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm/kỳ	112.500.171	73.596.002
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(11.874)	2.833

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan (điều chỉnh bổ sung)

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty và công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 31/3/2015 VND Điều chỉnh lại
Công ty liên kết			
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín</i>			
Góp vốn bằng tiền	250.000.000	500.000.000	-
Các công ty khác liên quan đến các nhân viên quản lý chủ chốt			
<i>Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế (*)</i>			
Tạm ứng tiền mua hàng	36.635.000.000	12.960.965.000	12.960.965.000
Thanh lý tài sản cố định	-	10.283.333.333	10.283.333.333
<i>Công ty TNHH Thương mại Hương Đông (*)</i>			
Tạm ứng, bảo lãnh và thanh toán hộ	100.766.069.778	-	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.951.957.035	120.131.689.142	138.942.003.210
Mua hàng	21.200.000.000	63.529.642.405	92.831.942.405
Thanh lý tài sản cố định	-	2.809.523.813	2.809.523.813
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên (*)</i>			
Đầu tư vốn vào các hợp đồng liên kết	110.750.000.000	-	-
Tạm ứng, bảo lãnh và thanh toán hộ	315.360.806.472	-	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	535.090.909	88.471.844.915	102.685.578.790
Mua hàng	-	5.747.001.250	9.032.001.250
<i>Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC (*)</i>			
Trả trước cho người bán	21.080.000.000	-	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	-	13.770.000
Thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát			
Tiền lương và thưởng cho Ban Giám đốc	1.881.868.363	1.238.800.000	2.244.666.667
Thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị	-	758.666.667	758.666.667
Tạm ứng	35.627.347.322	1.780.000.000	1.780.000.000

(*) Đây là các công ty do một số thành viên tiền nhiệm của Ban Giám đốc Công ty hoặc thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này nắm trực tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết. Các giao dịch với các bên liên quan này chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính cho giai đoạn 15 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 và do vậy được thuyết minh bổ sung trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài các giao dịch bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh 10, trong năm Công ty đã thực hiện các giao dịch bán hàng, mua hàng, tạm ứng, thanh toán hộ và đầu tư góp vốn vào các dự án liên kết thiết bị y tế với các bên liên quan đến các thành viên tiền nhiệm của Ban Giám đốc hoặc các thành viên mật thiết trong gia đình của họ như trình bày ở trên. Các giao dịch này chưa được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt như theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Năm kết thúc ngày 31/3/2016 VND	Giai đoạn từ 1/4/2014 đến 31/3/2015 VND Chưa kiểm toán
Thanh toán cổ tức bằng cổ phiếu	-	56.815.650.000
Nguyên giá của tài sản cố định do Công ty nhận được thông qua hình thức thuê tài chính	650.145.476	85.394.952.986

40. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty và công ty con áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 4 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/4/2015 (phân loại lại) VND	1/4/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu ngắn hạn khác	10.517.937.500	686.288.218
Tài sản ngắn hạn khác	-	9.831.649.282
Phải thu dài hạn khác	4.204.965.255	-
Tài sản dài hạn khác	-	4.204.965.255

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty và công ty con đã thay đổi kỳ kế toán năm từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 sang thành kỳ kế toán năm từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ 15 tháng từ ngày 1 tháng 1 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015. Cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã trình bày số liệu so sánh cho các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ 12 tháng từ ngày 1 tháng 4 năm 2014 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015 cho phù hợp với quy định của Thông tư 200.

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngoài ra, như trình bày tại Thuyết minh 38, trong quá trình lập báo cáo tài chính, Công ty đã thuyết minh bổ sung cho số dư với một số bên liên quan chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính cho giai đoạn 15 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 như trình bày dưới đây:

	1/4/2015 (điều chỉnh lại) VND	1/4/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu từ các công ty liên quan đến các nhân viên quản lý chủ chốt		
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	104.743.371.690	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên	135.531.022.362	-
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10.797.500.000	-
Trả trước cho bên liên quan		
Công ty TNHH Thương mại Hướng Đông	9.428.388.750	-

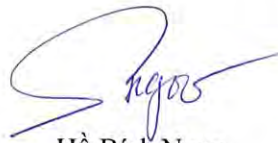
Ngày 8 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Lê Hà Thanh
Kế toán

Người duyệt:



Hồ Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Đỗ Thanh Tùng
Giám đốc